

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**  
THAI BINH CEMENT JOINT STOCK COMPANY



**TBX**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm 2019**

*Thái Bình, tháng 3 năm 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH  
NĂM 2019**

**I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Những sự kiện quan trọng:**

+ **Việc thành lập:** Công ty Xi măng Thái Bình là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán kinh tế độc lập theo quyết định số 163/TC ngày 15/12/1979 của UBND Tỉnh Thái Bình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty gồm: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm Xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng khác.

Tổng số cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2019 là: 93 người

Trong đó cán bộ quản lý là: 16 người

Trụ sở chính của Công ty tại số 01, Đường Quách Đình Bảo, Phường Tiền phong, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

+ **Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần:**

- Theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty Xi măng Thái Bình được cổ phần hoá và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần trong đó vốn cổ đông 100%.

- Ngày 22/10/2001 UBND Tỉnh Thái Bình có quyết định số 1343/QĐ-UB về việc chuyển đổi Công ty Xi măng thành Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với tổng vốn điều lệ là 7.500.000.000 đồng (*Bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*) và 284 cổ đông.

- Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đăng ký kinh doanh theo luật định.

- Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 15.102.800.000 đồng với 1.510.280 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

+ **Niêm yết:**

Thực hiện các quy định hiện hành đối với Công ty đại chúng của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Sau khi xin ý kiến của các cổ đông (đại hội cổ đông thường niên năm 2007) Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình đã tiến hành làm thủ tục xin đăng ký niêm yết. Ngày 18/11/2008 cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình với mã cổ phiếu là TBX chính thức được giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (*nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội*).

**2. Quá trình phát triển:**

- Khi thành lập Công ty chỉ sản xuất một loại Xi măng Poóc-lăng thường (*Xi măng*

đến) theo thiết kế ban đầu với hai lò đứng công suất nung luyện Clinker Xi măng Poóclăng thường là 5.000 tấn/lò/năm x 2 lò = 10.000 tấn Clinker/năm, thiết bị do trong nước chế tạo, công nghệ lạc hậu, Clinker ra lò từng mẻ một do đó chất lượng Xi măng không ổn định, năng suất thấp, lao động nặng nhọc, độc hại, công suất năm cao nhất đạt sản lượng 5.000 tấn Xi măng/năm.

Năm 1992 đưa thiết bị lò quay liên hợp vào nung luyện Clinker trắng, đưa công suất nung luyện của phân xưởng Xi măng Long Hào từ 1.000 tấn/năm lên 3.000 tấn/năm. Năm 1996 đầu tư bổ sung thiết bị lò đưa năng suất lên 10.000 tấn Xi măng trắng/năm. Năm 2002 công ty thực hiện đầu tư chiều sâu đổi mới thiết bị công nghệ tại phân xưởng ở phường Tiền Phong Thành phố Thái Bình sản xuất Xi măng Poóclăng trắng nhiên liệu là dầu FO thay thế cho việc sản xuất Xi măng Poóclăng thường, nâng công suất của Công ty từ 10.000 tấn/năm lên 30.000 tấn Xi măng trắng/năm.

- Kết quả chất lượng Xi măng trắng ổn định và không ngừng được nâng cao đạt Tiêu chuẩn Việt Nam 5691-2000, được khách hàng trong cả nước tin nhiệm, đủ sức cạnh tranh với Xi măng trắng ngoại nhập cả về giá cả, chất lượng, mặt khác với việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật khoa học công nghệ vào sản xuất đã cơ giới hoá khâu nung luyện Clinker, cải tạo điều kiện làm việc độc hại cho người lao động, tạo dựng phong cách làm việc công nghiệp góp phần bảo vệ môi trường.

- Nếu thời kỳ đầu từ năm 1979 đến năm 1992 công nghệ sản xuất Xi măng là bán khô, thiết bị là lò đứng lạc hậu thì từ năm 1992 đến 2002 công nghệ sản xuất Xi măng Poóclăng trắng là công nghệ bán khô với thiết bị lò quay liên hợp. Đặc biệt phân xưởng tại phường Tiền Phong thị xã từ năm 2003 công nghệ sản xuất là công nghệ khô.

- Nhờ ứng dụng tiến Bộ của KHKTCN, đổi mới thiết bị công nghệ trong thời gian ngắn từ 1979-2003 mà sản lượng Xi măng Poóclăng trắng tăng gấp 40 lần, mặt bằng sản xuất của Công ty được quy hoạch mở rộng tăng 1,9 lần, hệ thống cấp điện, nước, thoát nước hoàn thiện ổn định cho việc phát triển lâu dài.

- Về chất lượng sản phẩm. Nhờ có đổi mới thiết bị công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất. Đạt độ trắng  $\geq 70\%$  so với độ trắng tuyệt đối,  $\geq 80\%$  so với BaSO<sub>4</sub>. Cường độ đạt TCVN 5691-2000. Từ năm 1979 đến nay sản phẩm Xi măng Poóclăng trắng của Công ty đã được ban tổ chức hội chợ tặng thưởng các huy chương.

- Có thể khẳng định rằng chất lượng sản phẩm Xi măng trắng Thái Bình tương đương với Xi măng trắng ngoại cùng loại đang lưu thông trên thị trường Việt nam.

### **3. Định hướng phát triển**

#### **\* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Nâng cao sản lượng sản xuất, chất lượng sản phẩm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tăng trưởng doanh thu, tối đa hoá lợi nhuận.

Nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Hoàn thành các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

#### **\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Để đạt được mục tiêu Công ty đã xác định chiến lược phát triển toàn diện trên các mặt về năng lực tài chính, năng lực nguồn nhân lực, năng lực về máy móc thiết bị cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ, năng lực về trình độ quản lý, xây dựng các chiến lược tiêu thụ sản phẩm, phân loại xác định thị trường trọng điểm, xây dựng uy tín và thương hiệu doanh nghiệp tăng cường hiệu quả công tác bán hàng.

Thường xuyên tiến hành phân tích các yếu tố bên ngoài tác động ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty như nhân tố về môi trường, kinh tế xã hội, khoa học công nghệ, chính trị, pháp lý, thị trường, tài chính tiền tệ, tình hình hội nhập kinh tế thế giới.

Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình lấy uy tín và chất lượng sản phẩm là trung tâm cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, coi khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp trên cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001: 2008.

- Sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao.
- Cung ứng cho khách hàng sản phẩm đúng chất lượng, đúng số lượng, đúng chủng loại, đúng nơi, đúng lúc mà khách hàng yêu cầu.
- Có trách nhiệm đáp ứng mọi yêu cầu chính đáng của khách hàng đối với Công ty.
- Tôn trọng và xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng cũng như với nhà cung cấp.
- Nguyên vật liệu và phụ kiện chính đều phải được mua từ các nhà cung cấp có uy tín đã và sẽ được chứng nhận ISO 9001: 2008.
- Sự cam kết đối với chất lượng còn được thể hiện bởi kế hoạch đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ và tay nghề của công nhân viên chức.
- Công ty duy trì hệ thống quản lý chất lượng một cách có hiệu quả trên cơ sở có sự tham gia của tất cả mọi người và trên nền tảng áp dụng ISO 9001: 2008.
- Thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao hiệu lực của việc áp dụng hệ thống này để không ngừng thoả mãn nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của Công ty.

Xây dựng dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới nung luyện Clinker Xi măng poóc lăng trắng theo công nghệ tiên tiến tại cụm công nghiệp Trà lý Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình.

## **II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **A. Thực hiện nhiệm vụ năm 2019:**

Năm 2019, năm thứ hai của Nhiệm kỳ 2018 – 2023, nhân sự Hội đồng quản trị về số lượng gồm 05 thành viên. HĐQT đã họp các phiên theo định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như giám sát tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp tất cả các thành viên đều tham dự đầy đủ, các quyết định thông qua tại phiên họp đều được Hội đồng quản trị thống nhất ý kiến cao. Các nội dung đều mang tính thiết thực, kịp thời định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp cho sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế trong năm 2019.

**B. Các mặt hoạt động của Công ty**

Hội đồng quản trị đây mạnh công tác giám sát, điều hành với Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban triển khai thực hiện theo đúng điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT, theo quy chế làm việc của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Tất cả các chỉ đạo của HĐQT được triển khai kịp thời. Các báo cáo vướng mắc khó khăn đều được HĐQT chỉ đạo, xử lý dứt điểm, Đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty của cổ đông và người lao động trong Công ty

**1. Những khó khăn trong thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:**

Kinh tế thế giới và trong nước nói chung, đặc biệt là ngành xây dựng nói riêng trong cả nước gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã có những tín hiệu tích cực hơn nhưng chậm chuyển biến.

Đặc biệt cuối năm 2019 cụ thể là quý 04 khi ngân hàng có chủ trương thực hiện không cho các doanh nghiệp sản xuất xi măng có sản lượng thấp trong đó có Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình vay vốn đã làm cho Công ty rất khó khăn trọng việc vốn lưu động để sản xuất. Công ty đã phải ký hợp đồng liên kết với nhà đầu tư chiến lược cấp vốn và cùng nhà đầu tư khai thác máy móc thiết bị nhà xưởng và lao động để sản xuất.

**2. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**

Doanh thu năm 2019 là 57,683 tỷ đồng đạt 71 % kế hoạch năm

Nguyên nhân doanh thu không đạt theo kế hoạch đặt ra do sản lượng bán ra không cao do sự cạnh tranh khốc liệt của các hãng Xi măng trắng nhập ngoại, thị trường bất động sản và ngành xây dựng vẫn đang chưa thoát khỏi khó khăn, chi phí tăng cao do phải đầu tư sửa chữa đặc biệt là đầu tư cho công tác xử lý môi trường.

Kết quả kinh doanh năm năm 2019 như sau :

| <b>Nội dung</b> | <b>Công việc, sản phẩm</b> | <b>Khối lượng (tấn)</b> | <b>Giá trị (VNĐ)</b> |
|-----------------|----------------------------|-------------------------|----------------------|
| - Sản xuất:     | Nung luyện clinker         | 24.363                  |                      |
|                 | Nghiền xi măng             | 13.768                  |                      |
| - Tiêu thụ:     | Xi măng trắng              | 14.469                  |                      |
|                 | Clinker                    | 12.105                  |                      |
| Tổng doanh thu  |                            |                         | 57,683               |
|                 | Lợi nhuận trước thuế       |                         | -709 triệu           |

**3. Đánh giá chung**

Ngày từ đầu năm kế hoạch Hội đồng quản trị đã có những quyết sách, những biện pháp phù hợp, linh hoạt kịp thời giúp Công ty chủ động đối phó với những biến động của thị trường. Để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh ngoài những chủ trương về lựa chọn phương thức, thời điểm sản xuất cho phù hợp Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý, tiết kiệm chi phí tích cực

tìm kiếm nguồn nguyên nhiên vật liệu có chất lượng phục vụ cho sản xuất, đàm phán với các nhà cung cấp điều chỉnh giá linh hoạt nhằm giảm chi phí đầu vào cho sản xuất.

Chất lượng sản phẩm của Công ty luôn ổn định giúp Công ty giữ vững được khách hàng và thị phần phân phối, công tác thị trường được đẩy mạnh tạo sự gắn kết giữa Công ty và khách hàng.

Đầu tư hệ thống ống sậy và xử lý khí thải đảm bảo công tác môi trường dưới mức theo quy chuẩn của luật bảo vệ môi trường hiện hành.

### **C. Kế hoạch, Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020**

Năm 2020 tình hình chung vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn thị trường bất động sản vẫn chưa có tín hiệu tích cực, đình đốn sản xuất ở nhiều nơi, hầu hết các chi phí điện, nước, tiền lương, chi phí vận chuyển đường bộ... đều tăng. Vì vậy sản phẩm đầu ra sẽ còn gặp khó khăn do chịu ảnh hưởng của nguồn hàng nhập khẩu, mặt bằng lãi suất vẫn còn ở mức cao chưa kích thích được sản xuất ...

Từ nhận định trên, Hội đồng quản trị đưa ra định hướng chung với các mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

#### **1. Công tác sản xuất kinh doanh :**

Kết hợp chặt chẽ cùng nhà đầu tư chiến lược vận hành khai thác thiết bị máy móc nhà xưởng và lao động để cùng sản xuất đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.

Tiếp tục đẩy mạnh trong hoạt động kinh doanh mở rộng thêm mạng lưới phân phối trên toàn quốc đặc biệt là thị trường phía nam. Tiếp tục nghiên cứu thị trường nước ngoài để tăng cường xuất khẩu. Cần thêm những chương trình ưu đãi cho khách hàng truyền thống. Trong kinh doanh, thực hiện linh hoạt nhiều hình thức như liên kết, hợp tác kinh doanh.

Tập trung tìm đối tác nhằm khai thác, tìm kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định, giá thành hạ phục vụ cho sản xuất. Tập trung nghiên cứu một định hướng kinh doanh cụ thể, có khả năng tạo bước chuyển biến tích cực trong mọi hoạt động của Công ty.

Chỉ đạo công tác quản trị, cùng với nhà đầu tư chiến lược quản lý và vận hành nhà máy sản xuất an toàn ổn định đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

Chỉ đạo triển khai quyết liệt và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về công tác giám sát hiệu quả đầu tư, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, sản xuất quản lý điều hành, quản lý chi phí quản trị vật tư hàng tồn kho, tổ chức nhân sự và đào tạo, tài chính kế toán và kiểm tra giám sát thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy định, hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật hiện có của Công ty cho phù hợp với thực tế.

Thực hiện công tác nghiên cứu phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

| <b>Nội dung</b>     | <b>Công việc, sản phẩm</b> | <b>Khối lượng (tấn)</b> | <b>Giá trị ( tỷ đồng )</b> |
|---------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------------|
| - Sản xuất          | + Nung luyện clinker       | 22.060                  |                            |
|                     | + Nghiền xi măng           | 23.500                  |                            |
| -Tiêu thụ:          | + Xi măng trắng            | 23.500                  |                            |
|                     | + Clinker                  | 4.000                   |                            |
| -Các chỉ tiêu khác: |                            |                         |                            |
|                     | + Tổng doanh thu           | Tỷ đồng                 | 60,46                      |
|                     | + Lợi nhuận trước thuế     | Triệu đồng              | 605                        |
|                     | + Lợi nhuận sau thuế       | Triệu đồng              | 484                        |
| Cổ tức năm 2020     |                            |                         |                            |

**III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Để điều hành tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở nghị quyết của Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã họp phân công rõ trách nhiệm theo dõi và điều hành từng lĩnh vực cho các thành viên Quản lý trong Công ty.

**1.Đánh giá chung**

Bước vào năm kế hoạch 2019. Tổng Giám đốc dưới sự điều hành trực tiếp của HĐQT công ty. HĐQT đã kịp thời chỉ đạo ban Tổng giám đốc thực hiện theo nghị quyết của hội đồng quản trị theo từng tháng từng quý. Kịp thời khắc phục những khó khăn tồn tại của những năm trước để cho Công ty vượt qua khó khăn trong năm.

**a.Thuận lợi**

Chất lượng clinker, xi măng ổn định và ngày càng được nâng cao được bạn hàng tin tưởng, tạo niềm tin vững chắc cho người tiêu dùng, tạo điều kiện cho sản phẩm đi vào thị trường.

Đội ngũ cán bộ điều hành trẻ, năng động, nhiệt tình sáng tạo trong quá trình lao động sản xuất với phương châm giảm thiểu chi phí không ngừng tăng năng xuất chất lượng đem lại hiệu quả.

HĐQT luôn chủ động đưa ra những chủ trương, giải pháp, quyết sách, quyết định kịp thời, đúng đắn để Công ty ổn định trong những giai đoạn SXKD khó khăn.

**b. Khó khăn**

Kinh tế thế giới và trong nước nói chung, đặc biệt là ngành xây dựng nói riêng trong cả nước còn gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã có những tín hiệu tích cực hơn nhưng chậm chuyển biến. Vì vậy mức độ tiêu thụ sản phẩm làm ra còn chậm.

Sự cạnh tranh của Xi măng trắng Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Trung quốc ngày càng gay gắt. các loại Xi măng trắng tiêu thụ trên toàn quốc liên tục giảm giá đây là sự cạnh tranh khốc liệt khó khăn cho việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

## **2.Đánh giá hoạt động và sản xuất kinh doanh 2019**

### **2.1. Đánh giá kết quả kinh doanh**

Doanh thu năm 2019 là 57,6 tỷ đồng kế hoạch đặt ra là 81,6 tỷ đạt 71% và so cùng kỳ đạt 91%

### **2.2. Đánh giá hoạt động các bộ phận trong Công ty**

#### **a, Quản trị điều hành**

Tăng cường kiểm soát chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất, tìm tòi và áp dụng các giải pháp để tăng chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nhiên liệu...

Nhờ các nỗ lực cải cách trên, Công ty đã khắc phục được một số nhược điểm sau:

- + Bố trí sắp xếp lại lực lượng lao động hợp lý, tiết kiệm được chi phí nhân công.
- + Giảm bớt được chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào do nỗ lực tìm nguồn nguyên liệu mới.
- + Người lao động làm việc kỷ luật và nề nếp hơn.
- + Năng suất và chất lượng sản phẩm tăng và ổn định.

#### **b, Hoạt động của Phân xưởng sản xuất.**

Tại Phân xưởng Thành phố: Lò BT3, BT4 sau khi sửa chữa định kỳ đã đưa vào sản xuất ổn định chu kỳ của lò nung được kéo dài, chất lượng Clinker tốt, độ trắng cao, cường độ chịu nén tăng.

Nhân sự quản lý có trình độ, cũng như việc bố trí lao động trong các ca sản xuất hợp lý, hiệu suất lao động tăng.

#### **c, Môi trường:**

Vệ sinh công nghiệp ngày càng được nâng cao góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Các chất thải sinh hoạt chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải được quan tâm xử lý thông qua việc ký hợp đồng với Công ty có đủ chức năng tư cách pháp nhân để thực hiện.

Thiết kế và cải tạo lại hệ thống thoát nước và dẫn nước tuần hoàn để đảm bảo công tác vệ sinh và yếu tố môi trường trong sản xuất. Năm 2019 đã đầu tư hệ thống ống sấy viên và xử lý khí thải môi trường. Hệ thống đã được Sở TN& MT Tỉnh Thái bình nghiệm thu và đánh giá có hiệu quả trong công tác xử lý khí thải ra môi trường. Công ty đã thể hiện trách nhiệm cao với xã hội

#### **d, Quản lý, điều hành:**

Điều chuyển, thay đổi nhân sự nhằm tạo sự thi đua lành mạnh từ đó góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất.

#### **e, Hoạt động Khoa học công nghệ**

Nghiên cứu đưa ra các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất như tăng năng suất lò, thay đổi phương pháp đốt giảm tiêu hao nhiên liệu, tăng năng suất nghiền xi măng.

Kiểm soát tốt chất lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và chất lượng sản phẩm sản xuất ra.



Thường xuyên phân tích, đánh giá, so sánh các sản phẩm nhập ngoại với sản phẩm của Công ty để có định hướng kinh doanh sát thực.

**f, Hoạt động tài chính**

Hợp đồng chặt chẽ với nhà đầu tư đối tác chiến lược đảm bảo về nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm soát, quản lý chi phí, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên cung cấp thông tin, báo cáo đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh phục vụ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có đủ thông tin về tình hình tài chính để chỉ đạo, điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo dõi, quản lý chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả, thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thanh toán cho các khách hàng đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh. Báo cáo kịp thời và minh bạch tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của luật Chứng khoán, quy định của Sở Giao dịch chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

**g, Hoạt động tổ chức và lao động tiền lương**

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động.

Chủ động lập phương án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đủ sức đảm đương nhiệm vụ SXKD, đồng thời bám sát sản xuất để phát hiện những yếu tố bất hợp lý trong vấn đề lao động tiền lương điều chỉnh bộ đơn giá định mức lao động cho phù hợp,

**h, Hoạt động kế hoạch sản xuất và mua sắm vật tư**

Luôn bám sát nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cung ứng, kịp thời nguyên nhiên liệu cho sản xuất.

Kết hợp chặt chẽ với phòng tài chính kế toán để tham mưu cho Ban Tổng giám đốc ký kết thực hiện các hợp đồng kinh tế.

**IV KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020****1.Đánh giá chung****- Thuận lợi**

Ngành xây dựng có xu hướng khởi sắc sẽ thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm của công ty.

Chúng ta có đội ngũ cán bộ trẻ năng động, dám nghĩ dám làm,tác phong làm việc của người lao động đã có tính làm việc công nghiệp cao

Chất lượng sản phẩm được duy trì ổn định.

**-Khó khăn**

Sản phẩm nhập ngoại ngày càng cạnh tranh.

Cơ sở hạ tầng không đồng bộ. Máy móc thiết bị, nhà xưởng đã xuống cấp cần phải sửa chữa cải tạo nhiều

Trước những thuận lợi và khó khăn cơ bản trên bước vào năm 2020 Ban Tổng giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch SXKD như sau:

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

| Nội dung            | Công việc, sản phẩm    | Khối lượng (tấn) | Giá trị ( tỷ đồng ) |
|---------------------|------------------------|------------------|---------------------|
| - Sản xuất          | + Nung luyện clinker   | 22.060           |                     |
|                     | + Nghiền xi măng       | 23.500           |                     |
| -Tiêu thụ:          | + Xi măng trắng        | 23.500           |                     |
|                     | + Clinker              | 4.000            |                     |
| -Các chỉ tiêu khác: |                        |                  |                     |
|                     | + Tổng doanh thu       | Tỷ đồng          | 60,46               |
|                     | + Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng       | 605                 |
|                     | + Lợi nhuận sau thuế   | Triệu đồng       | 484                 |
| Cổ tức năm 2020     |                        |                  |                     |

**2. Các giải pháp để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020****a. Về Kinh doanh**

Mở rộng thêm mạng lưới phân phối trên toàn quốc đặc biệt là thị trường phía nam.  
Cần thêm những trương trình ưu đãi cho khách hàng truyền thống.

**b. Về nhân sự**

Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ đúng người, đúng việc. Tăng cường công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ, có kế hoạch tuyển dụng lao động có kỹ thuật trình độ chuyên môn để làm lực lượng kế cận đảm bảo cho sản xuất ổn định.

**c. Về sản xuất**

Đảm bảo thiết bị máy móc hoạt động ổn định.

Bố trí phối nguyên liệu hợp lý để đối phó với thời tiết biến động bất thường.

Nâng cao công tác quản lý thiết bị; nghiên cứu cải tạo hệ thống điện, giảm tiêu hao điện năng.

Cải tạo lại hệ thống thiết bị, nhà xưởng, kho tàng và các công trình sinh hoạt đáp ứng được tình hình mới, giảm được giá thành..

**d. Về Khoa học công nghệ**

Giám sát chặt nguyên, nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra. Đưa ra những sáng kiến nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu. Quản lý chặt các yếu tố chi phí cho hoạt động sản xuất theo định mức tiêu hao nguyên nhiên liệu. Tiếp tục nghiên cứu thêm các sản phẩm mới.

**e. Về tài chính**

Cân đối thu chi tốt để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Huy động mọi nguồn lực, sử dụng đồng vốn hiệu quả, quay vòng vốn nhanh.

Quản lý chặt chẽ việc mua bán vật tư nguyên nhiên liệu, hạn chế chi tiêu tiền mặt.

Báo cáo, hạch toán kế toán định kỳ để phân tích kết quả sản xuất kinh doanh kịp thời phát hiện những phát sinh tiêu cực, bất cập tác động xấu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

**f. Về mua sắm vật tư**

Luôn đảm bảo đủ vật tư cho sản xuất và sửa chữa, bảo dưỡng. Tìm kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định, giá thành hạ. Quyết toán vật tư sử dụng theo hàng tháng.

**h. Về công tác đoàn thể và phong trào thi đua**

Tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ, Công đoàn hoạt động có hiệu quả, tích cực tham gia các phong trào thi đua thiết thực đóng góp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

**V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019**

**1, Tình hình tài chính năm 2019**

*Đơn vị tính: Đồng*

| STT        | Chỉ tiêu                                       | 31/12/2018            | 31/12/2019            |
|------------|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng tài sản</b>                            | <b>62,873,285,977</b> | <b>44,804,433,161</b> |
| 1          | Tài sản lưu động                               | 51,341,436,284        | 34,464,721,988        |
| 2          | Tài sản cố định                                | 11,531,849,693        | 10,339,711,173        |
| <b>II</b>  | <b>Nợ phải trả</b>                             | <b>39,471,676,415</b> | <b>22,826,058,626</b> |
| 1          | Nợ ngắn hạn                                    | 39,471,676,415        | 22,826,058,626        |
| 2          | Nợ dài hạn                                     | -                     | -                     |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>                    | <b>23,401,609,562</b> | <b>21,978,374,535</b> |
| 1          | Vốn điều lệ                                    | 15,102,800,000        | 15,102,800,000        |
| 2          | Vốn khác của chủ sở hữu                        | 1,125,670,663         | 1,125,670,663         |
| 2          | Lợi nhuận sau thuế                             | 3,687,220,661         | 2,263,985,634         |
| 3          | Quỹ đầu tư phát triển                          | 3,485,918,238         | 3,485,918,238         |
| 4          | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                  |                       |                       |
| <b>IV</b>  | <b>Một số chỉ tiêu tài chính</b>               |                       |                       |
| 1          | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Doanh thu (%)      | 0.71%                 | -1.23%                |
| 2          | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%)   | 0.75%                 | -1.58%                |
| 3          | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu (%) | 2.02%                 | -3.23%                |
| 4          | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ (%)    | 3.13%                 | -4.70%                |

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán.

**1. Bảng cân đối kế toán**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31/12/2019**

*Đơn vị tính: Việt Nam đồng*

| TÀI SẢN                                      | MS         | TM         | 31/12/2019            | 01/01/2019            |
|--|------------|------------|-----------------------|-----------------------|
|  |            |            | VND                   | VND                   |
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |            | <b>34.464.721.988</b> | <b>51.341.436.284</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>5.1</b> | <b>6.107.902.721</b>  | <b>21.793.746</b>     |
| 1. Tiền                                      | 111        |            | 6.107.902.721         | 21.793.746            |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>5.2</b> | <b>2.200.000.000</b>  | -                     |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |            | 2.200.000.000         | -                     |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |            | <b>7.690.065.438</b>  | <b>38.626.302.174</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 5.3        | 5.299.850.872         | 34.437.908.363        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        |            | 22.000.000            | -                     |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 5.4        | 2.689.527.166         | 4.509.706.411         |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 5.5        | (321.312.600)         | (321.312.600)         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>5.6</b> | <b>18.466.753.828</b> | <b>12.603.411.014</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |            | 18.466.753.828        | 12.603.411.014        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |            | <b>1</b>              | <b>89.929.350</b>     |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |            | -                     | 89.929.350            |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 5.7        | 1                     | -                     |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |            | <b>10.339.711.173</b> | <b>11.531.849.693</b> |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |            | <b>9.165.392.779</b>  | <b>11.365.474.135</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 5.8        | 9.165.392.779         | 11.365.474.135        |
| - Nguyên giá                                 | 222        |            | 64.105.076.762        | 63.389.137.419        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |            | (54.939.683.983)      | (52.023.663.284)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 5.9        | -                     | -                     |
| - Nguyên giá                                 | 228        |            | 33.500.000            | 33.500.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229        |            | (33.500.000)          | (33.500.000)          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |            | <b>1.118.786.852</b>  | <b>67.244.494</b>     |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 5.10       | 1.118.786.852         | 67.244.494            |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |            | <b>55.531.542</b>     | <b>99.131.064</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 5.11       | 55.531.542            | 99.131.064            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100+200)  | <b>270</b> |            | <b>44.804.433.161</b> | <b>62.873.285.977</b> |

| NGUỒN VỐN  | MS          | TM          | 31/12/2019            | 01/01/2019            |
|--|-------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|  |             |             | VND                   | VND                   |
| <b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>                                | <b>300</b>  |             | <b>22.826.058.626</b> | <b>39.471.676.415</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                | <b>310</b>  |             | <b>22.826.058.626</b> | <b>39.471.676.415</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                       | 311         | 5.12        | 8.360.177.269         | 9.702.071.022         |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước               | 313         | 5.7         | 7.718.875             | 1.398.161.199         |
| 3. Phải trả người lao động                           | 314         |             | 1.208.246.447         | 991.934.942           |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                         | 315         | 5.13        | 135.244.711           | 66.482.193            |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác                            | 319         | 5.14        | 465.673.500           | 1.131.459.877         |
| 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                 | 320         | 5.15        | 11.697.373.158        | 24.798.942.516        |
| 7. Dự phòng phải trả ngắn hạn                        | 321         |             | -                     | 400.000.000           |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                          | 322         |             | 951.624.666           | 982.624.666           |
| <b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             | <b>400</b>  |             | <b>21.978.374.535</b> | <b>23.401.609.562</b> |
| <b>I- Vốn chủ sở hữu</b>                             | <b>410</b>  | <b>5.16</b> | <b>21.978.374.535</b> | <b>23.401.609.562</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                            | 411         |             | 15.102.800.000        | 15.102.800.000        |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>        | <i>411a</i> |             | <i>15.102.800.000</i> | <i>15.102.800.000</i> |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu                           | 414         |             | 1.125.670.663         | 1.125.670.663         |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                             | 418         |             | 3.485.918.238         | 3.485.918.238         |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                 | 421         |             | 2.263.985.634         | 3.687.220.661         |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>  | <i>421a</i> |             | <i>2.973.916.834</i>  | <i>3.214.012.314</i>  |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>                    | <i>421b</i> |             | <i>(709.931.200)</i>  | <i>473.208.347</i>    |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b><br><b>(440 = 300+400)</b> | <b>440</b>  |             | <b>44.804.433.161</b> | <b>62.873.285.977</b> |

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
Năm 2019**

| CHỈ TIÊU   | MS        | TM   | Năm 2019             | Năm 2018             |
|--|-----------|------|----------------------|----------------------|
|  |           |      | VND                  | VND                  |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                    | 01        | 5.17 | 57.683.711.320       | 66.468.811.227       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu  | 02        |      | -                    | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)              | 10        |      | 57.683.711.320       | 66.468.811.227       |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 11        | 5.18 | 51.751.158.161       | 58.948.501.119       |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>         | <b>20</b> |      | <b>5.932.553.159</b> | <b>7.520.310.108</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính   | 21        | 5.19 | 264.054.587          | 211.775.675          |
| 7. Chi phí tài chính   | 22        | 5.20 | 1.636.631.400        | 1.977.033.441        |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>   | 23        |      | <i>1.636.631.400</i> | <i>1.977.033.441</i> |
| 8. Chi phí bán hàng  | 25        | 5.21 | 214.646.999          | 965.153.927          |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 5.21 | 5.025.208.123        | 4.079.743.906        |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b> | <b>30</b> |      | <b>(679.878.776)</b> | <b>710.154.509</b>   |
| 11. Thu nhập khác  | 31        | 5.22 | 50.263.281           | 67.152.493           |
| 12. Chi phí khác   | 32        | 5.22 | 80.315.705           | 150.786.491          |
| <b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>                                       | <b>40</b> | 5.22 | <b>(30.052.424)</b>  | <b>(83.633.998)</b>  |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>                 | <b>50</b> |      | <b>(709.931.200)</b> | <b>626.520.511</b>   |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành  | 51        |      | -                    | 153.312.164          |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại   | 52        |      | -                    | -                    |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>          | <b>60</b> |      | <b>(709.931.200)</b> | <b>473.208.347</b>   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 70        |      | (470,07)             | 313,32               |

*Đơn vị tính: Việt Nam đồng*

**VII. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**1. Kiểm toán độc lập**

**- Đơn vị kiểm toán:**

Hiện tại Công ty đang thuê đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của năm 2019. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là một trong những công ty kiểm toán có uy tín tại Việt Nam.

**- Ý kiến kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế

toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **2. Kiểm toán nội bộ**

Hiện tại Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình chưa thành lập kiểm toán nội bộ, đang xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ.

## **VIII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có

## **IX. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

### **1. Giới thiệu về Công ty:**

|                       |  |
|-----------------------|--|
| Tên Công ty           | Công ty Cổ phần Xi măng Thái Bình  |
| Tên giao dịch quốc tế | Thai binh Cement Joint Stock Company   |
| Tên viết tắt          | TJC  |
| Trụ sở chính          | Số 1, đường Quách Đình Bảo, cụm Công nghiệp Phong Phú, phường Tiền Phong, TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình           |
| Điện thoại            | (036) 3647 505   |
| Fax                   | (036) 3647 506   |
| Email                 | thaibinhinfo@gmail.com   |
| Website               | Ximangthaibinh.vn  |
| Giấy CNĐKKD           | Giấy chứng nhận ĐKKD số 1000283494 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái bình cấp lần 10 ngày 25 tháng 09 năm 2017. |

Biểu tượng Công ty



Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm Xi măng và vật liệu xây dựng
- Xuất nhập khẩu Clinker Xi măng poóc lăng trắng.

### **2. Cơ cấu tổ chức của công ty.**

### **3. Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty quyết định những vấn đề được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo Hội đồng quản trị, Báo cáo ban kiểm soát, phương án phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

### **4. Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan pháp lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình gồm 5 thành viên, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **5. Ban kiểm soát:**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty, trong việc ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

### **6. Ban Giám đốc:**

Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

### **7. Các phòng ban chức năng:**

- Phòng Kế toán tài chính
- Phòng Hành chính tổ chức – LĐTL
- Phòng Kế hoạch
- Phòng Khoa học công nghệ

Các phòng ban chức năng thực hiện các nhiệm vụ về quản lý công tác nhân sự, lao động tiền lương, định mức tiêu hao vật tư cho sản xuất, nguồn cung cấp vật tư, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, an toàn lao động.... và các nhiệm vụ khác phục vụ cho quá trình sản xuất và đầu tư.

### **8. Phân xưởng:**

Phân xưởng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ sản xuất sản phẩm theo các công đoạn sản xuất:

### **9. Danh sách các thành viên HĐQT, BKS và Ban điều hành Công ty năm 2019:**

#### ***a, Thành viên Hội đồng quản trị:***

| ST<br>T | Thành viên HĐQT       | Chức vụ         | Ngày bắt đầu tham gia | Theo văn bản                |
|---------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------------------|
| 1       | Bùi Thị Nguyên Hạnh   | Chủ tịch HĐQT   | 22/3/2013             | NQ-01/HĐQT ngày 22/3/2013   |
| 2       | Lên Thị Lan Hòa       | Thành viên HĐQT | 09/8/2015             | NQ-01/ĐHĐCĐ ngày 09/8/2015  |
| 3       | Nguyễn Thị Minh Thanh | Thành viên HĐQT | 16/10/2016            | NQ-04/ĐHĐCĐ ngày 16/10/2016 |
| 4       | Hoàng Xuân Hải        | Thành viên HĐQT | 09/8/2015             | NQ-01/ĐHĐCĐ ngày 09/8/2015  |
| 5       | Vũ Tiến Nghĩa         | Thành viên HĐQT | 6/12/2015             | NQ-13/HĐQT ngày 06/12/2015  |

#### ***b, Quyền lợi của Ban Giám đốc:***

Tiền lương, tiền thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc theo quy chế của Công ty.

## **X. THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY**



Vốn điều lệ: 15.102.800.000 đồng tương đương 1.510.280 cổ phần.

**Quản trị Công ty:**

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Thái Bình bao gồm:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

**\* Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ qua các công việc sau:**

- Năm 2019 đã tổ chức nhiều cuộc họp triển khai chỉ đạo thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ra các nghị quyết giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng.

- Lập chương trình mục tiêu, nhiệm vụ công tác sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng quý I, quý II, quý III, quý IV.

- Lập báo cáo Hội đồng quản trị, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 trình đại hội cổ đông năm 2020.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ tại các cuộc họp giao ban về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, định mức tiêu hao vật tư, kế hoạch tiền lương, kế hoạch sửa chữa, kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành....

**Hoạt động ban kiểm soát Công ty**

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 3 thành viên.

Ban kiểm soát hoạt động trên cơ sở quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã xây dựng quy chế hoạt động của Ban và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban.

**Ban kiểm soát Công ty thực hiện các hoạt động sau:**

- Tham gia các cuộc họp hội đồng quản trị.

- Kiểm soát các chứng từ thu chi của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ sổ sách kế toán theo quy định của bộ tài chính và chuẩn mực kế toán.

- Theo dõi ý kiến cổ đông thông qua các kênh thông tin.

- Xem xét báo cáo tài chính của tổ chức kiểm toán.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, bộ máy quản lý trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty****a. Công tác tổ chức cán bộ và tổ chức sản xuất:**

- Tiếp tục rà soát, bố trí sắp xếp cán bộ đúng người đúng việc trên cơ sở vì công việc mà bố trí người phụ trách, lựa chọn những cán bộ có tâm, có tài vì sự phát triển bền vững của Công ty, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Sử dụng cán bộ chuyên môn có hiệu quả.

- Tăng cường công tác tuyển dụng, bồi dưỡng đào tạo cán bộ kế cận cho doanh nghiệp đảm bảo cho doanh nghiệp có đội ngũ cán bộ đủ sức, đủ tài, đủ tầm hoàn thành tốt nhiệm vụ thời kỳ hội nhập.

- Sắp xếp lao động phù hợp, cân đối giữa các phân xưởng để sản xuất ổn định, trường hợp nếu thiếu lao động trong dây chuyền sẽ cân nhắc việc thuê khoán lao động ngoài theo thời vụ hoặc đầu tư máy móc cơ giới hoá những khâu có thể trong dây chuyền.

- Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001: 2008.

### **b. Giải pháp thị trường:**

Ổn định, đổi mới và phát triển thị trường là vấn đề then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp vì vậy công tác thị trường phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện, tăng cường khâu tiếp thị để mở rộng thị phần, phát triển thị trường, nâng cao trình độ và nghiệp vụ bán hàng, bán hàng qua nhiều kênh, thiết lập chi nhánh, các tổng kho phân phối cho các đại lý và các hộ tiêu thụ một cách hợp lý để giảm thiểu chi phí vận tải, tổ chức tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Phối kết hợp chặt chẽ với Công ty cổ phần thương mại xi măng Thái Bình phát triển thị trường bán lẻ trên diện rộng.

Từng bước tiếp cận thị trường khu vực và thị trường Thế giới, hoàn thiện kỹ năng xuất nhập khẩu, giới thiệu sản phẩm và hình ảnh Công ty tới bè bạn năm châu.

Tìm kiếm, khai thác sản phẩm mới trên cơ sở khai thác công năng các thiết bị công nghệ sẵn có của Công ty.

### **c. Giải pháp về kế hoạch vật tư**

- Tăng cường công tác kế hoạch, tham mưu cho HĐQT, Ban Giám đốc hoạch định đúng đường lối phát triển doanh nghiệp và ra quyết định kịp thời, chính xác trong quá trình hội nhập phát triển.

- Tăng cường công tác đầu tư với phương châm lựa chọn công nghệ, thiết bị tiên tiến, từng bước hiện đại hoá phù hợp với điều kiện tài chính doanh nghiệp trong lộ trình phát triển, đảm bảo phát triển bền vững.

- Đáp ứng đầy đủ nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất theo các yêu cầu chất lượng do công nghệ đặt ra.

- Tìm kiếm nguồn nguyên liệu phù hợp, ổn định lâu dài, giá thành hạ.

- Điều tiết sản xuất hợp lý, đủ khả năng phục vụ cho thị trường.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế để sản xuất liên tục, không bị gián đoạn.

### **d. Giải pháp về chất lượng:**

Đây là khâu trọng yếu để nâng cao vị thế của sản phẩm và hình ảnh trên thương trường, vì vậy công tác chất lượng phải được kiểm soát chặt chẽ từ vật tư đầu vào đến sản phẩm đầu ra, chất lượng là cả một quá trình, mọi quy trình phải được chấp hành nghiêm túc, phải thực hiện phòng ngừa là chính - khắc phục sửa chữa sự cố là nhất thời và hạn chế tối đa các sai phạm, sự cố xảy ra làm mất uy tín sản phẩm.

### **e. Giải pháp về công nghệ:**

Tăng cường hợp tác với các nhà khoa học chuyên ngành, các cơ quan khoa học kỹ thuật để lựa chọn những công nghệ tiên tiến trong quá trình SXKD, chủ động tiếp thu những thành tựu khoa học đã được triển khai trong và ngoài nước, áp dụng một cách hiệu quả.

Phải phối kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban phân xưởng, cùng ban Giám đốc - HĐQT thường xuyên áp dụng những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tìm kiếm giải pháp công nghệ hợp lý, để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Tích cực chủ động trong nghiên cứu, triển khai sản phẩm mới góp phần đa dạng hoá sản phẩm.

**g. Giải pháp về tài chính:**

Để có được mục tiêu của năm 2020 đặt ra phải chuẩn bị đủ tiền vốn, nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình SXKD, cho đầu tư XDCB đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Huy động mọi nguồn lực, sử dụng đồng vốn hiệu quả, quay vòng vốn nhanh, dự trữ đúng mức, phân loại khách hàng để cung cấp hàng hoá, phải hết sức khoa học và nghệ thuật trong tiêu thụ sản phẩm, không để khách hàng lợi dụng chiếm dụng vốn, nợ đọng dây dưa khó đòi. Quản lý chặt chẽ việc mua bán vật tư nguyên nhiên vật liệu, hợp đồng phải được soạn thảo theo đúng quy trình, theo đúng quy định pháp luật, hạn chế tối đa vật tư hàng hoá không có VAT.

- Báo cáo hạch toán kế toán định kỳ để phân tích kết quả SXKD, kịp thời phát hiện những phát sinh tiêu cực, bất cập tác động xấu trong quá trình SXKD từ đó phản ứng kịp thời, điều chỉnh hợp lý giúp cho nền tài chính Công ty luôn lành mạnh, an toàn và phát triển.

**h. Chăm lo lợi ích người lao động và làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.**

Bổ trí đầy đủ việc làm cho số lao động hiện có của Công ty, đảm bảo thu nhập ổn định, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, thực hiện chế độ BHXH, BHYT cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm để người lao động yên tâm lao động sản xuất, tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động, phát hiện bệnh nghề nghiệp xử lý kịp thời và có hướng sắp xếp lao động cho hợp lý.

**i. Công tác Đảng - Đoàn thể và phong trào thi đua**

- Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng là hạt nhân đề ra những đường lối chiến lược phát triển của doanh nghiệp, vận động quần chúng, công nhân lao động hoàn thành nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

- Chăm lo công tác Công đoàn, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức này hoạt động có hiệu quả, từ đó đẩy lên các phong trào thi đua thiết thực, phát hiện các nhân tố tích cực, biểu dương tạo khí thế thi đua sôi nổi, động viên CBCNV kịp thời để mọi người đóng góp tích cực hơn nữa vào sự nghiệp chung của Công ty.

**Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và BKS:**

Năm 2019 đã trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS như sau:

- 5 thành viên HĐQT = 129.679.200 đ - 3 thành viên BKS = 37.648.800 đ

**Tổng cộng: 167.328.000 đ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG THÁI BÌNH**



**CHỦ TỊCH H.Đ.QU.T**

**Bùi Chí Nguyễn Mạnh**